

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS - PT
Ngày : 06 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu;

Ông Vũ Hà Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLPT-DS ngày 16-10-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS – ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2023/QĐXX-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi thường trú: thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Q;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T; sinh năm 1966; nơi thường trú: thôn L2, xã T, huyện Y, tỉnh Q (theo văn bản ủy quyền ngày 07-11-2022;

- Bị đơn: Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B; địa chỉ trụ sở: Số 95 phố T, phường D, quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Hà Minh T - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm B Nam Định (theo Giấy ủy quyền số 109/GUQ-PTI-PCKSNB ngày 13-02-2023); người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Đ, sinh năm 1994 và ông Hồ Đình Q, sinh năm 1995 chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế Tổng công ty CP Bảo hiểm B (Văn bản ủy quyền số 1024 ngày 01-12-2023);

- *Người kháng cáo:* Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Bà T, ông Q có mặt. Ông T, ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-11-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị T) là bà Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 25-02-2022, bà Nguyễn Thị T mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm B Nam Định là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Gói bảo hiểm mua cho bà Nguyễn Thị T thuộc chương trình “VTA +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị T đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Bà Nguyễn Thị T đã được Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 có các nội dung chính như sau:

Người mua bảo hiểm là bà Nguyễn Thị T; người được bảo hiểm là bà Nguyễn Thị T.

Thời hạn bảo hiểm đối với bà Nguyễn Thị T là 12 tháng, tính từ ngày 26-02-2022 đến ngày 26-02-2023.

Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được bà Nguyễn Thị T đóng toàn bộ một lần vào ngày 25-02-2022.

Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T được Trạm Y tế xã T huyện Y tỉnh Q cấp giấy xác nhận đã tiêm vaccin Covid-19 mũi 3 ngày 12-01-2022. Ngày 16-3-2022, bà Nguyễn Thị T được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu xét nghiệm PCR của Công ty trách nhiệm hữu hạn L - Phòng khám đa khoa 153. Cùng ngày 16-3-2022, bà Nguyễn Thị T được đưa vào điều trị bệnh Covid-19 tại “Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Y - Sở Y tế tỉnh Q”. Ngày 23-3-2022, bà Nguyễn Thị T được ra viện. Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, bà Nguyễn Thị T đã hoàn thiện hồ sơ yêu cầu Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B thanh toán cho bà số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng như trong giấy chứng nhận bảo hiểm. Bà Hoàng Thị T đã nộp hồ sơ yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm của bà Nguyễn Thị T, lúc đầu bà gửi online, sau đó gửi hồ sơ về Công ty bảo hiểm B Nam Định theo đường B trước ngày 31-3-2022. Ngày 10-5-2022, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T là 12.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho bà là 24.000.000 đồng nhưng không nhận được số tiền trên. Trường hợp của bà Nguyễn Thị T đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm; không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B; ông đã tiêm phòng Covid-19 và đã nằm viện điều trị Covid-19 nên số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B thanh toán cho bà số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng (hai mươi tư triệu) đồng và số tiền lãi chậm trả của số tiền 24.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm và đến khi trả xong toàn bộ số tiền bảo hiểm. Các vấn đề khác đã trình bày trong đơn khởi kiện, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B) trong quá trình giải quyết vụ án là ông Hà Minh T và tại phiên tòa là ông Hoàng Văn Y và ông Phạm Quang Đ trình bày: Ngày 25-02-2022, bà Nguyễn Thị T đã mua bảo hiểm cho bà thuộc chương trình “VTA +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Nội dung hợp đồng bảo hiểm và việc bà Nguyễn Thị T bị mắc bệnh Covid-19 như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng. Ngày 29-3-2022, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nhận được hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Nguyễn Đức Thành và không yêu cầu bà Nguyễn Thị T nộp thêm giấy tờ, tài liệu gì khác do hồ sơ đã đầy đủ. Ngày 10-5-2022, Tổng

công ty cổ phần Bảo hiểm B đã có thông báo hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nhưng bà Nguyễn Thị T không đồng ý. Sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Do đó, ngày 25-4-2022 Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã có “Thông báo thay đổi điều kiện quỹ hỗ trợ Vững Tâm An” gửi tới khách hàng; trong đó thông báo kể từ ngày 29-4-2022, Quỹ hỗ trợ chỉ áp dụng cho những người điều trị tại cơ sở thu dung, điều trị Covid 19 theo Quyết định 4111/QĐ-BYT ngày 26-8-2021 và Quyết định số 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì bà Nguyễn Thị T mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế để điều trị dịch bệnh; việc điều trị tại cơ sở y tế cũng không tuân theo phác đồ điều trị bệnh Covid-19 của Bộ y tế. Do đó, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B xác định bà Nguyễn Thị T không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 mà chỉ chấp nhận hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Về yêu cầu trả tiền lãi chậm trả: Do bà Nguyễn Thị T không nhận số tiền hỗ trợ, hai bên có tranh chấp nên Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B chưa chi trả cho bà; do đó Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không đồng ý trả số tiền lãi chậm trả cho bà Nguyễn Thị T.

* Bản án sơ thẩm số 40/2023/DS – ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã quyết định: Căn cứ vào Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 17; Điều 21, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 và phụ lục kèm theo, gồm các khoản sau:

Số tiền bảo hiểm là: 24.000.000 đồng;

Số tiền lãi chậm trả từ ngày 14-4-2022 đến ngày 05-7-2023 là: 24.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 02 tháng 20 ngày = 2.931.500 đồng;

Tổng cộng: 26.931.500 (hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền bảo hiểm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 10-7-2023 của Tổng công ty bảo hiểm B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết lại theo trình tự phúc thẩm đối với bản án của Toà án nhân dân thành phố Nam Định. Kính mong Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổng công ty bảo hiểm B.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Hoàng Thị T là người đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông Hồ Đình Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 14-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 05-7-2023 là 2.931.500 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền bảo hiểm. Vì vậy, kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị Y vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho ông Hà Minh T, ông Hồ Đình Q và ông Phạm Quang Đ, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho bà Hoàng Thị T nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Tranh chấp được giải quyết trong vụ án: Theo đơn khởi kiện được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thụ lý ngày 23-11-2022 thì nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc trả tiền bảo hiểm với Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do vậy tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng bảo hiểm như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng.

[4] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 thì bà Nguyễn Thị T giao kết hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo hiểm B Nam Định, thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Theo đơn khởi kiện, bà Thu đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh giao kết hợp đồng bảo hiểm để giải quyết tranh chấp. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[5] Xét về nội dung kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổng công ty bảo hiểm B thấy rằng: Ngày 25-02-2022, bà Nguyễn Thị T mua bảo hiểm (thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử) của Công ty Bảo hiểm B Nam Định, là đơn vị trực thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Bà Nguyễn Thị T đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm và được Tổng công ty

Bảo hiểm B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm 0001446/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có nội dung: Người mua bảo hiểm là bà Nguyễn Thị T, người được bảo hiểm là bà Nguyễn Thị T; thời hạn bảo hiểm đối với bà Nguyễn Thị T là 12 tháng, tính từ ngày 26-02-2022 đến ngày 26-02-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm... Căn cứ Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Giấy chứng nhận bảo hiểm 0001446/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm hợp pháp giữa bà Nguyễn Thị T và Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B; có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các bên đối với sự kiện bảo hiểm từ ngày 26-02-2022 đến ngày 27-02-2023.

[6] Về sự kiện bảo hiểm: Bà Nguyễn Thị T đã được Trạm Y tế xã T huyện Y tỉnh Q cấp giấy xác nhận đã tiêm vacxin Covid-19 mũi 3 ngày 12-01-2022. Phiếu xét nghiệm PCR ngày 16-3-2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn L - Phòng khám đa khoa 153 xác định bà Nguyễn Thị T bị mắc bệnh Covid-19. Như vậy, bà Nguyễn Thị T đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 28 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 26-02-2022. Cùng ngày 16-3-2022, bà Nguyễn Thị T đã được đưa vào Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Y - Sở Y tế tỉnh Q là cơ sở y tế được Sở Y tế tỉnh Q thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B xác nhận đã nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm của bà Nguyễn Thị T ngày 29-3-2022, nhưng cho rằng bà Nguyễn Thị T mắc bệnh Covid-19 không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế theo hướng dẫn tại Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế nên không đồng ý trả tiền bảo hiểm mà chỉ hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 12.000.000 đồng. Căn cứ ghi chú tại bảng 4, mục 6.1 Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế về nguyên tắc điều trị thì “*người bệnh nhiễm COVID-19 không triệu chứng hoặc mức độ nhẹ có thể điều trị tại nhà hoặc các cơ sở thu dung điều trị COVID-19 tùy theo tình hình dịch tại từng địa phương*”. Như vậy, bà Nguyễn Thị T được cơ sở y tế có thẩm quyền tiếp nhận và điều trị bệnh Covid-19 là đúng quy định của Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế. Trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-

KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 và phụ lục kèm theo quy định “Quỹ trợ cấp nằm viện điều trị tại các cơ sở y tế” khi người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng; không có quy định về điều kiện nằm viện và yêu cầu thực hiện theo phác đồ điều trị của Bộ Y tế. Căn cứ quy định tại Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì trong trường hợp điều khoản hợp đồng không rõ ràng thì phải giải thích theo hướng có lợi cho người được bảo hiểm. Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của bà Nguyễn Thị T; số tiền bảo hiểm bà Nguyễn Thị T được hưởng thuộc trường hợp đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh và nằm viện điều trị dịch bệnh. Do đó, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B có nghĩa vụ trả số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng cho người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị T theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

[7] Về yêu cầu trả khoản tiền lãi chậm trả: Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B xác nhận đã nhận đủ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của bà Nguyễn Thị T vào ngày 29-3-2022, theo quy định tại khoản 3 Mục III của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001446/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 và phụ lục kèm theo thì thời gian giải quyết bồi thường là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đòi Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả khoản tiền lãi chậm trả của số tiền bảo hiểm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 14-4-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Về các yêu cầu khác nêu trong đơn khởi kiện, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm ông Hồ Đình Q là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng

cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định theo biên lai số 0000239 ngày 17-7-2023, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 17; Điều 21, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 05-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000239 ngày 17-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân

sự bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng